CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 125/2026/NĐ-CP	*Hà Nội, ngày 06 tháng 4 năm 2026*

NGHỊ ĐỊNH
Quy định về hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong cơ sở giáo dục đại học

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15;

Căn cứ Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 36/2009/QH12, Luật số 42/2019/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số 93/2025/QH15 và Luật số 131/2025/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định về hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong cơ sở giáo dục đại học.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Nghị định này quy định về hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong cơ sở giáo dục đại học, bao gồm: tổ chức, quản lý và chính sách thúc đẩy hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; nhóm nghiên cứu tiềm năng và nhóm nghiên cứu mạnh; tài chính, quỹ và đầu tư; quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

2. Nghị định này áp dụng đối với cơ sở giáo dục đại học, các đơn vị thuộc và trực thuộc cơ sở giáo dục đại học, giảng viên, nghiên cứu viên, người học và tổ chức, cá nhân liên quan tham gia hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong cơ sở giáo dục đại học.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Nhóm nghiên cứu tiềm năng trong cơ sở giáo dục đại học là tập hợp giảng viên, người học, nhà khoa học, nghiên cứu viên, chuyên gia trong và ngoài nước có định hướng chuyên môn và mục tiêu nghiên cứu chung, nhằm tạo ra sản phẩm khoa học, công nghệ mới, đồng thời phát triển năng lực nghiên cứu và đào tạo nhân lực chất lượng cao.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

2. Nhóm nghiên cứu mạnh trong cơ sở giáo dục đại học là tập hợp giảng viên, người học, nhà khoa học, nghiên cứu viên, chuyên gia trong và ngoài nước, có năng lực nghiên cứu, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo ở trình độ cao, được công nhận trong nước hoặc quốc tế về uy tín học thuật, được hình thành nhằm tạo ra kết quả khoa học, công nghệ, sở hữu trí tuệ và chuyển giao có giá trị, đồng thời đóng góp cho đào tạo nhân lực trình độ cao và phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

3. Hợp tác Nhà nước - Nhà trường - Doanh nghiệp là cơ chế phối hợp bình đẳng, minh bạch và cùng có lợi giữa cơ quan quản lý nhà nước, cơ sở giáo dục đại học và doanh nghiệp nhằm huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả nguồn lực công tư cho nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo; gắn kết đào tạo nhân lực với nhu cầu thị trường và xu thế công nghệ; khai thác, thúc đẩy chuyển giao công nghệ và thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

Chương II
TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

Điều 3. Nội dung hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Nội dung hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong cơ sở giáo dục đại học được quy định tại khoản 3 Điều 27 của Luật Giáo dục đại học 2025 và pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ và các pháp luật chuyên ngành khác.

2. Ngoài các hoạt động quy định tại khoản 1 Điều này, cơ sở giáo dục đại học tổ chức thực hiện một số hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sau đây:

a) Tích hợp hoạt động nghiên cứu với đào tạo nhân lực trình độ cao, gắn nghiên cứu cơ bản và ứng dụng với thực hành, phát triển năng lực nghiên cứu và đổi mới sáng tạo cho người học, trong đó chấp nhận rủi ro và độ trễ trong nghiên cứu khoa học, chú trọng đối với nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu dài hạn và các lĩnh vực công nghệ mới nổi;

b) Tổ chức và phát triển nhóm nghiên cứu tiềm năng và nhóm nghiên cứu mạnh;

c) Ban hành quy định và thực hiện khen thưởng đối với cá nhân, tập thể có thành tích trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

d) Hỗ trợ phát triển các loại hình doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, giáo dục đại học để thúc đẩy hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong cơ sở giáo dục đại học;

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

đ) Hợp tác và phát triển mạng lưới các cơ sở giáo dục đại học trong và ngoài nước nhằm nâng cao năng lực đào tạo và nghiên cứu khoa học;

e) Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp cho giảng viên, nghiên cứu viên, nhân viên hỗ trợ và người học;

g) Khuyến khích các hình thức tổ chức hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của người học trong cơ sở giáo dục đại học.

3. Cơ sở giáo dục đại học tự chủ ban hành quy định quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; xác định định hướng nghiên cứu, tổ chức thực hiện, lựa chọn hình thức hợp tác và khai thác kết quả nghiên cứu phù hợp với sứ mạng, chiến lược phát triển và điều kiện thực tiễn; chịu trách nhiệm giải trình về hiệu quả và chất lượng sản phẩm đầu ra theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Tổ chức khoa học và công nghệ trực thuộc cơ sở giáo dục đại học

1. Cơ sở giáo dục đại học được thành lập, tổ chức lại và giải thể tổ chức khoa học và công nghệ trực thuộc theo quy định tại Nghị định số 262/2025/NĐ-CP của ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (Nghị định số 262/2025/NĐ-CP) về thông tin, thống kê, đánh giá, chuyển đổi số và các vấn đề chung.

2. Tổ chức khoa học công nghệ do cơ sở giáo dục đại học thành lập phải thực hiện đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ theo quy định tại Nghị định số 262/2025/NĐ-CP.

3. Tổ chức khoa học và công nghệ trực thuộc cơ sở giáo dục đại học, ngoài việc đáp ứng các quy định tại Nghị định số 262/2025/NĐ-CP, phải bảo đảm các điều kiện sau đây:

a) Có mục tiêu, lĩnh vực hoạt động phù hợp với chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của cơ sở giáo dục đại học;

b) Có cơ cấu tổ chức hợp lý, không trùng lặp chức năng, nhiệm vụ với các đơn vị hiện có và có kế hoạch phối hợp nghiên cứu với các nhóm nghiên cứu trong cơ sở giáo dục đại học;

c) Có ít nhất 05 người có trình độ từ đại học trở lên làm việc toàn thời gian theo quy định và tối thiểu 50% nhân sự có trình độ chuyên môn phù hợp với lĩnh vực hoạt động chính; trong đó, đối với tổ chức nghiên cứu khoa học hoặc tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ phải bảo đảm có ít nhất 01 tiến sĩ có chuyên môn phù hợp làm việc toàn thời gian trong mỗi lĩnh vực đăng ký hoạt động;

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

d) Có phương án hoạt động và phương án tự chủ tài chính phù hợp với quy mô, mục tiêu và lộ trình phát triển; xác định rõ nguồn thu, nhiệm vụ chi và trách nhiệm của người đứng đầu trong quản lý tài chính.

4. Nhân sự của tổ chức khoa học và công nghệ trực thuộc

a) Giảng viên, nghiên cứu viên, nhân viên hỗ trợ, nhân viên theo hợp đồng và người học của cơ sở giáo dục đại học, tham gia hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ trực thuộc theo hình thức cơ hữu, toàn thời gian, kiêm nhiệm hoặc đồng cơ hữu, phù hợp với quy định của pháp luật và quy định của cơ sở giáo dục đại học;

b) Người đứng đầu tổ chức khoa học và công nghệ trực thuộc phải có trình độ tiến sĩ, có năng lực chuyên môn và kinh nghiệm quản lý phù hợp.

5. Quan hệ giữa cơ sở giáo dục đại học và tổ chức khoa học và công nghệ trực thuộc

a) Cơ sở giáo dục đại học ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ trực thuộc phù hợp với quy định pháp luật;

b) Tổ chức khoa học và công nghệ trực thuộc thực hiện nhiệm vụ theo mục tiêu được giao, chịu sự giám sát, đánh giá của cơ sở giáo dục đại học; phối hợp với cơ sở giáo dục đại học trong đào tạo, nghiên cứu và chuyển giao công nghệ;

c) Cơ sở giáo dục đại học tạo điều kiện cho tổ chức khoa học và công nghệ trực thuộc sử dụng cơ sở vật chất, phòng thí nghiệm và nguồn lực khoa học công nghệ;

d) Quyền sở hữu đối với kết quả nghiên cứu và tài sản trí tuệ do tổ chức khoa học và công nghệ trực thuộc tạo ra thuộc về cơ sở giáo dục đại học; tổ chức khoa học và công nghệ trực thuộc được giao quyền quản lý, khai thác và phân chia lợi ích theo quy định của pháp luật và quy định của cơ sở giáo dục đại học, trong đó bảo đảm lợi ích của tác giả;

đ) Việc đánh giá tổ chức khoa học và công nghệ trực thuộc được thực hiện định kỳ hằng năm và theo chu kỳ 05 năm, dựa trên các nhóm chỉ tiêu về hoạt động nghiên cứu, đào tạo, chuyển giao công nghệ và hiệu quả sử dụng nguồn lực, theo quy định của cơ sở giáo dục đại học.

Điều 5. Doanh nghiệp khoa học và công nghệ

1. Cơ sở giáo dục đại học được thành lập, tham gia thành lập và góp vốn vào doanh nghiệp khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật.

2. Doanh nghiệp khoa học và công nghệ do cơ sở giáo dục đại học thành lập, tham gia thành lập và góp vốn có quyền và trách nhiệm sau đây:

a) Sử dụng cơ sở vật chất, phòng thí nghiệm và nhân lực của cơ sở giáo dục đại học để thực hiện nghiên cứu, ươm tạo, thử nghiệm và thương mại hóa

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

sản phẩm thông qua hợp đồng thuê, liên doanh hoặc góp vốn bằng thương hiệu, công nghệ, tài sản trí tuệ và các tài sản khác theo quy định của pháp luật, bảo đảm không ảnh hưởng đến hoạt động đào tạo và nghiên cứu của cơ sở giáo dục đại học;

b) Phối hợp với cơ sở giáo dục đại học trong nghiên cứu, đào tạo, chuyển giao tri thức;

c) Việc phân chia lợi nhuận, doanh thu, quyền sở hữu trí tuệ và lợi ích kinh tế khác phát sinh từ hoạt động của doanh nghiệp khoa học và công nghệ giữa cơ sở giáo dục đại học, doanh nghiệp và các cá nhân, tổ chức tham gia được thực hiện theo thỏa thuận của các bên liên quan, phù hợp với quy định tại Điều 28 Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, pháp luật về sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ, doanh nghiệp và quy định của cơ sở giáo dục đại học;

d) Hoạt động theo nguyên tắc tự chủ, tự chịu trách nhiệm, hạch toán tài chính độc lập và tự trang trải kinh phí hoạt động theo quy định của pháp luật.

3. Vai trò và nhiệm vụ của cơ sở giáo dục đại học

a) Thực hiện quyền và trách nhiệm của chủ sở hữu, thành viên hoặc cổ đông đối với doanh nghiệp khoa học và công nghệ do cơ sở giáo dục đại học thành lập, tham gia thành lập hoặc góp vốn theo quy định của pháp luật;

b) Cử giảng viên, nghiên cứu viên, cán bộ quản lý làm đại diện phần vốn góp hoặc tham gia quản lý, điều hành, làm việc, góp vốn hoặc tham gia hoạt động chuyên môn tại doanh nghiệp khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ của cơ sở giáo dục đại học, bảo đảm không ảnh hưởng đến nhiệm vụ được giao;

c) Ban hành quy định nội bộ về việc sử dụng cơ sở vật chất và tài sản trí tuệ của cơ sở giáo dục đại học để góp vốn, hợp tác, phân chia lợi ích; trích lập tối thiểu 50% lợi nhuận sau thuế và các khoản thu hợp pháp mà cơ sở giáo dục đại học được hưởng từ doanh nghiệp khoa học và công nghệ thông qua góp vốn hoặc đầu tư để tái đầu tư cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với quy định của pháp luật.

4. Ngoài các chính sách ưu đãi đối với doanh nghiệp khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, doanh nghiệp khoa học và công nghệ do cơ sở giáo dục đại học thành lập được ưu tiên hỗ trợ trong các nội dung sau đây:

a) Được sử dụng cơ sở vật chất, phòng thí nghiệm theo chính sách ưu tiên; tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo các cấp của cơ sở giáo dục đại học;

b) Được ưu tiên sử dụng kết quả nghiên cứu, công nghệ, tài sản trí tuệ của cơ sở giáo dục đại học để tiếp tục phát triển, chuyển giao và thương mại hóa; được hỗ trợ kết nối nguồn lực trong và ngoài cơ sở giáo dục đại học.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Chương III
CHÍNH SÁCH THÚC ĐẨY HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

Điều 6. Nhóm nghiên cứu tiềm năng và nhóm nghiên cứu mạnh

1. Cơ sở giáo dục đại học căn cứ nhu cầu, tiềm lực và chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục đại học để xây dựng nhóm nghiên cứu tiềm năng và nhóm nghiên cứu mạnh.

2. Nhóm nghiên cứu tiềm năng có ít nhất 03 thành viên, trong đó trưởng nhóm là giảng viên cơ hữu của cơ sở giáo dục đại học và ít nhất 02 thành viên chủ chốt.

3. Nhóm nghiên cứu mạnh có ít nhất 05 thành viên, trong đó trưởng nhóm là giảng viên cơ hữu của cơ sở giáo dục đại học và ít nhất 04 thành viên chủ chốt. Trưởng nhóm nghiên cứu mạnh là nhà khoa học xuất sắc, có trình độ cao, có uy tín và ảnh hưởng học thuật đạt trình độ khu vực và quốc tế trong lĩnh vực chuyên môn; có năng lực dẫn dắt, quy tụ và phát triển đội ngũ nghiên cứu trình độ cao, xây dựng và tổ chức thực hiện định hướng nghiên cứu dài hạn nhằm tạo ra các sản phẩm khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có giá trị khoa học và/hoặc thực tiễn, có tác động lan tỏa đối với phát triển kinh tế - xã hội, đóng góp thiết thực cho phát triển đất nước.

4. Nhóm nghiên cứu tiềm năng và nhóm nghiên cứu mạnh được xây dựng theo các nguyên tắc sau đây:

a) Bảo đảm tạo ra sản phẩm khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có giá trị học thuật hoặc khả năng thương mại hóa;

b) Tạo cơ hội cho giảng viên, nghiên cứu viên, người học, nhà khoa học, chuyên gia tham gia nhằm nâng cao năng lực nghiên cứu và bảo đảm phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao;

c) Tạo điều kiện để thúc đẩy hợp tác giữa các cơ sở giáo dục đại học, tổ chức khoa học và công nghệ, doanh nghiệp trong và ngoài nước.

5. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định điều kiện, tiêu chí, quy trình công nhận, công nhận lại và không công nhận lại đối với nhóm, trưởng nhóm và thành viên chủ chốt của nhóm nghiên cứu mạnh và nhóm nghiên cứu tiềm năng, trong đó xác định rõ các tiêu chí định lượng tối thiểu về công bố khoa học, quyền sở hữu trí tuệ và các sản phẩm khoa học khác có tính đến đặc thù của từng lĩnh vực hoặc nhóm ngành khoa học; quy định Khung quy đổi sản phẩm khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

6. Cơ sở giáo dục đại học thực hiện công nhận, công nhận lại và không công nhận lại nhóm nghiên cứu, trưởng nhóm và thành viên chủ chốt theo tiêu chí, điều kiện và quy trình, tuân thủ quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; thực hiện quy đổi sản phẩm khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo Khung quy đổi sản phẩm theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo thông qua Hội đồng khoa học của cơ sở giáo dục đại học. Việc ban hành và áp dụng quy định quy đổi sản phẩm tương đương của cơ sở giáo dục đại học thực hiện theo nguyên tắc tự chủ và trách nhiệm giải trình.

Khuyến khích cơ sở giáo dục đại học xây dựng, ban hành quy định nội bộ về quy đổi sản phẩm khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo để xây dựng và phát triển nhóm nghiên cứu tiềm năng, nhóm nghiên cứu mạnh, bảo đảm không thấp hơn các tiêu chí, yêu cầu quy định tại Nghị định này.

7. Trưởng nhóm nghiên cứu tiềm năng hoặc trưởng nhóm nghiên cứu mạnh không được đồng thời giữ chức danh trưởng nhóm của từ hai nhóm nghiên cứu trở lên tại cùng một thời điểm; được tham gia với tư cách thành viên hoặc thành viên chủ chốt của không quá một nhóm nghiên cứu khác.

8. Thành viên chủ chốt của nhóm nghiên cứu mạnh và nhóm nghiên cứu tiềm năng được tham gia với tư cách thành viên chủ chốt của không quá hai nhóm nghiên cứu tại cùng một thời điểm; trường hợp tham gia nhóm nghiên cứu khác thì chỉ được với tư cách thành viên.

Điều 7. Chính sách ưu đãi cho nhóm nghiên cứu tiềm năng, nhóm nghiên cứu mạnh trong cơ sở giáo dục đại học

1. Nhóm nghiên cứu tiềm năng trong cơ sở giáo dục đại học được cơ quan quản lý có thẩm quyền ưu tiên xem xét đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, nhiệm vụ hợp tác quốc tế và hợp tác với doanh nghiệp trên cơ sở kết quả và hiệu quả hoạt động của nhóm; được ưu tiên hỗ trợ ươm tạo, nâng cao năng lực nghiên cứu nhằm phát triển lên nhóm nghiên cứu mạnh.

2. Trưởng nhóm nghiên cứu tiềm năng được giảm đến 50%, thành viên chủ chốt nhóm nghiên cứu tiềm năng được giảm đến 20% định mức giờ chuẩn giảng dạy hằng năm và được khấu trừ tương ứng vào định mức giảng dạy khi xét tiêu chuẩn chức danh giáo sư, phó giáo sư; được cơ sở giáo dục đại học ưu tiên bố trí không gian làm việc, điều kiện nghiên cứu và hỗ trợ kinh phí khởi động trong phạm vi nguồn lực và quyền tự chủ của cơ sở giáo dục đại học.

3. Nhóm nghiên cứu mạnh được hưởng các ưu đãi từ Nhà nước như sau:

a) Được đặt hàng, giao nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đối với các lĩnh vực nghiên cứu cơ bản, công nghệ cao, công nghệ lõi, công nghệ chiến lược và các lĩnh vực ưu tiên phát triển của Nhà nước;

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

b) Được ưu tiên tham gia và thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cấp quốc gia, nhiệm vụ nghiên cứu liên ngành và các dự án hợp tác quốc tế;

c) Được ưu tiên tham gia tư vấn, nghiên cứu, chuyển giao và tiếp nhận công nghệ đối với các dự án trọng điểm quốc gia;

d) Được ưu tiên sử dụng các phòng thí nghiệm trọng điểm theo chính sách ưu tiên;

đ) Được ưu tiên cử thành viên tham gia chương trình nghiên cứu sau tiến sĩ, thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu tại cơ sở đào tạo, cơ sở nghiên cứu trong và ngoài nước;

e) Được ưu tiên cử đi thực tập, làm việc có thời hạn tại các tổ chức khoa học và công nghệ nước ngoài theo chương trình, đề án được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;

Ngoài các ưu đãi tại quy định tại khoản này, Nhà nước lựa chọn một số nhóm nghiên cứu mạnh trong cơ sở giáo dục đại học để tập trung hỗ trợ phát triển dài hạn trong các lĩnh vực ưu tiên của Nhà nước hoặc lĩnh vực mới nổi trên cơ sở chiến lược, quy hoạch phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo hoặc/và nhu cầu cấp bách của thực tiễn.

4. Nhóm nghiên cứu mạnh trong cơ sở giáo dục đại học được hưởng ưu đãi từ cơ sở giáo dục đại học như sau:

a) Được bố trí kinh phí hoạt động thường xuyên, phòng làm việc và các phương tiện cần thiết trong phạm vi nguồn lực và quyền tự chủ của cơ sở giáo dục đại học; được hỗ trợ kinh phí theo khả năng của cơ sở giáo dục đại học để hoàn thành nhiệm vụ nghiên cứu đã được phê duyệt;

b) Được hỗ trợ tìm kiếm và huy động các nguồn đầu tư ngoài ngân sách nhà nước để xây dựng cơ sở vật chất, phòng thí nghiệm và được giao quản lý, sử dụng phục vụ hoạt động nghiên cứu theo quy định của pháp luật;

c) Trưởng nhóm được giảm đến 80% định mức giờ chuẩn giảng dạy hằng năm; thành viên chủ chốt là giảng viên của cơ sở giáo dục đại học chủ trì được giảm đến 50% định mức giờ chuẩn hàng năm và được khấu trừ vào định mức giảng dạy khi xét tiêu chuẩn chức danh giáo sư, phó giáo sư.

5. Việc áp dụng các chính sách ưu đãi quy định tại Điều này được thực hiện và xem xét điều chỉnh hàng năm trên cơ sở mức độ hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ và sản phẩm đầu ra đã được phê duyệt trong kế hoạch nghiên cứu.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Điều 8. Quyền và trách nhiệm của cơ sở giáo dục đại học, trưởng nhóm, thành viên chủ chốt và thành viên nhóm nghiên cứu tiềm năng, nhóm nghiên cứu mạnh

1. Cơ sở giáo dục đại học chủ trì có quyền và trách nhiệm như sau:

a) Người đứng đầu cơ sở giáo dục đại học quyết định việc công nhận, công nhận lại và không công nhận nhóm nghiên cứu tiềm năng, nhóm nghiên cứu mạnh;

b) Quyết định phân bổ, điều chỉnh và ưu tiên sử dụng các nguồn lực hợp pháp cho nhóm nghiên cứu tiềm năng, nhóm nghiên cứu mạnh trên cơ sở kết quả và hiệu quả hoạt động;

c) Xây dựng và ban hành quy định về ưu đãi, hỗ trợ phát triển nhóm nghiên cứu tiềm năng, nhóm nghiên cứu mạnh; ưu tiên xét tuyển, hỗ trợ học bổng cho người học tham gia hoạt động nghiên cứu của nhóm;

d) Chủ động bố trí và lập dự toán kinh phí hằng năm từ các nguồn hợp pháp theo mức độ tự chủ của cơ sở giáo dục đại học, trong đó có ngân sách nhà nước (nếu có), trình cấp có thẩm quyền phê duyệt để bố trí kinh phí để thực hiện chính sách ưu đãi đối với nhóm nghiên cứu mạnh;

đ) Ban hành quy định về quy đổi sản phẩm khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo căn cứ theo hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và đặc thù của cơ sở giáo dục đại học, bảo đảm công khai, minh bạch và công bằng;

e) Theo dõi, đánh giá và tổng hợp kết quả hoạt động của các nhóm nghiên cứu tiềm năng, nhóm nghiên cứu mạnh, báo cáo cơ quan quản lý cấp trên.

2. Quyền và trách nhiệm của trưởng nhóm nghiên cứu tiềm năng, nhóm nghiên cứu mạnh

a) Xây dựng thuyết minh định hướng nghiên cứu và kế hoạch phát triển với chu kỳ ít nhất 05 năm với nhóm nghiên cứu mạnh và với chu kỳ ít nhất 03 năm với nhóm nghiên cứu tiềm năng;

b) Tổ chức xây dựng hồ sơ đề nghị công nhận nhóm; được lựa chọn thành viên, đánh giá, điều hành nhóm, quản lý sản phẩm đầu ra của nhóm;

c) Huy động đội ngũ cộng tác viên trong và ngoài nước, phân công nhiệm vụ cho các thành viên, bảo đảm chất lượng và tiến độ thực hiện;

d) Báo cáo kết quả hoạt động định kỳ hằng năm với tổ chức chủ trì;

đ) Được tự chủ trong việc thu hút nhân lực, tiếp nhận thành viên và phân bổ nguồn lực để thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu theo tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Nghị định này và quy định của cơ sở giáo dục đại học;

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

e) Trưởng nhóm nghiên cứu mạnh được xem xét, áp dụng các chính sách thu hút, trọng dụng, khuyến khích và hỗ trợ với mức tương đương nếu đáp ứng các điều kiện và tiêu chí theo quy định tại khoản 1 Điều 54 của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2025 và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan.

3. Quyền và trách nhiệm của thành viên chủ chốt nhóm nghiên cứu tiềm năng, nhóm nghiên cứu mạnh

a) Chịu trách nhiệm hỗ trợ trưởng nhóm trong chỉ đạo nghiên cứu, bảo đảm chất lượng và tiến độ sản phẩm đầu ra;

b) Có quyền và ưu đãi cao hơn các thành viên khác theo quy định của cơ sở giáo dục đại học và hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4. Quyền và trách nhiệm của thành viên nhóm nghiên cứu tiềm năng, nhóm nghiên cứu mạnh

a) Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ do trưởng nhóm phân công và chịu trách nhiệm cá nhân về kết quả thực hiện;

b) Được ưu tiên hỗ trợ kinh phí đào tạo trình độ tiến sĩ theo quy định nếu là giảng viên hoặc có cam kết trở thành giảng viên của cơ sở giáo dục đại học.

Điều 9. Quyền, trách nhiệm và cơ chế thúc đẩy hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của giảng viên và người học

1. Quyền và trách nhiệm chung của giảng viên

a) Được bảo đảm cơ sở vật chất, trang thiết bị và điều kiện cần thiết để thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; được tạo điều kiện tiếp cận các nguồn tài trợ trong và ngoài nước;

b) Được giảm định mức giảng dạy, hưởng phụ cấp tăng thêm, khen thưởng và hưởng các lợi ích tương xứng với kết quả nghiên cứu theo quy định của cơ sở giáo dục đại học; được ưu tiên thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo gắn với hướng dẫn nghiên cứu sinh;

c) Có trách nhiệm tích hợp kết quả nghiên cứu vào hoạt động đào tạo, phát triển các chương trình đào tạo chất lượng cao, liên ngành, gắn nghiên cứu với đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp; hướng dẫn nghiên cứu sinh, học viên cao học và giảng viên trẻ;

d) Có trách nhiệm công bố kết quả nghiên cứu, tuân thủ liêm chính khoa học, đạo đức nghề nghiệp, tôn trọng và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ; minh bạch trong quản lý, sử dụng và phân chia lợi ích từ kết quả nghiên cứu theo quy định.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

đ) Thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của cơ sở giáo dục đại học, quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, giáo dục đại học và các quy định pháp luật liên quan.

2. Giảng viên đồng cơ hữu thực hiện hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định tại khoản 2 Điều 29 của Luật Giáo dục đại học năm 2025.

3. Quyền và trách nhiệm của giảng viên là giáo sư, phó giáo sư

Ngoài quyền và trách nhiệm quy định tại khoản 1 Điều này, giảng viên là giáo sư, phó giáo sư còn có các quyền và trách nhiệm sau đây:

a) Được ưu tiên bố trí điều kiện làm việc phù hợp với chuyên môn và định hướng nghiên cứu; được ưu tiên đặt hàng, giao chủ trì nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đối với nhóm công nghệ chiến lược và những lĩnh vực mà Nhà nước ưu tiên;

b) Được giảm đến 60% đối với giáo sư và 40% đối với phó giáo sư định mức giờ giảng chuẩn hằng năm để thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, căn cứ vào kế hoạch nghiên cứu và cam kết về sản phẩm khoa học được cơ sở giáo dục đại học phê duyệt;

c) Được tạm dừng giảng dạy tối đa 01 năm và được hưởng nguyên lương, phụ cấp để thực hiện hoạt động hợp tác quốc tế, hợp tác với doanh nghiệp hoặc phát triển mạng lưới nghiên cứu trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phù hợp với định hướng phát triển của cơ sở giáo dục đại học; chính sách này được áp dụng không quá 01 lần trong 05 năm trên cơ sở đề xuất của giảng viên và khả năng bố trí nhân lực của cơ sở giáo dục đại học;

d) Có trách nhiệm duy trì và phát triển hoạt động nghiên cứu khoa học; tham gia hướng dẫn nghiên cứu sinh, học viên cao học và giảng viên trẻ.

4. Quyền và trách nhiệm của giảng viên có trình độ tiến sĩ dưới 40 tuổi

Ngoài các quyền và trách nhiệm quy định tại khoản 1 Điều này, giảng viên có trình độ tiến sĩ từ 40 tuổi trở xuống được cơ sở giáo dục đại học xem xét hỗ trợ kinh phí nghiên cứu trong 03 năm đầu kể từ khi được công nhận học vị tiến sĩ.

5. Quyền và trách nhiệm chung của người học

a) Được tham gia và hỗ trợ các thủ tục cần thiết để triển khai hoạt động nghiên cứu, đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp trong cơ sở giáo dục đại học;

b) Được sử dụng cơ sở vật chất, phòng thí nghiệm và tham gia các nhóm nghiên cứu, dự án cộng đồng, chương trình ươm tạo;

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

c) Được hỗ trợ công bố kết quả nghiên cứu, hưởng quyền sở hữu trí tuệ và các lợi ích hợp pháp khác từ kết quả nghiên cứu theo quy định của pháp luật;

d) Được cơ sở giáo dục đại học xem xét miễn hoặc giảm học phí, cấp học bổng, khen thưởng khi có thành tích nghiên cứu, đổi mới sáng tạo xuất sắc;

đ) Có trách nhiệm tuân thủ liêm chính khoa học, đạo đức nghề nghiệp và quyền sở hữu trí tuệ;

e) Có trách nhiệm tham gia công bố công trình khoa học trên tạp chí hoặc hội thảo chuyên ngành phù hợp với trình độ và tính chất nhiệm vụ nghiên cứu được giao;

g) Thực hiện quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của cơ sở giáo dục đại học, quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, giáo dục đại học và các quy định pháp luật liên quan.

6. Quyền và trách nhiệm của nghiên cứu sinh

Ngoài quyền và trách nhiệm quy định tại khoản 5 Điều này, nghiên cứu sinh còn có các quyền và trách nhiệm sau đây:

a) Được cơ sở đào tạo nghiên cứu sinh xem xét giao nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của cơ sở; được ưu tiên giao nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo nếu thuộc chương trình đào tạo tài năng trong các lĩnh vực công nghệ chiến lược, công nghệ cao; được xem xét miễn giảm học phí, cấp học bổng theo quy định của Nhà nước hoặc theo quy định của cơ sở giáo dục đại học;

b) Được ưu tiên tham gia các hoạt động hỗ trợ giảng dạy hoặc nghiên cứu phù hợp với chương trình đào tạo và được hưởng thù lao tương xứng và điều kiện làm việc phù hợp;

c) Nghiên cứu sinh là giảng viên cơ hữu được cơ sở giáo dục đại học nơi công tác bảo đảm các chế độ bao gồm chi trả học phí, được hưởng nguyên lương và các phụ cấp khác theo quy định.

7. Ngoài quyền và trách nhiệm quy định tại khoản 5 Điều này, học viên cao học được tạo điều kiện và ưu tiên tham gia nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, sử dụng phòng thí nghiệm của cơ sở giáo dục đại học.

8. Cơ sở giáo dục đại học ban hành cơ chế và tổ chức thực hiện các biện pháp thúc đẩy hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của giảng viên và người học

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

a) Cụ thể hóa quyền, trách nhiệm của giảng viên và người học; công khai các chính sách hỗ trợ, tiêu chí xét chọn, cơ chế giám sát và đánh giá kết quả, bảo đảm công bằng, minh bạch và phù hợp quy định của pháp luật;

b) Cơ chế ưu đãi về giảm định mức giờ giảng, tạm dừng giảng dạy, hỗ trợ tài chính và các hỗ trợ khác phải gắn với cam kết về kết quả, sản phẩm nghiên cứu cụ thể; có thể thực hiện ưu đãi cao hơn đối với kết quả nghiên cứu xuất sắc;

c) Thực hiện cơ chế chia sẻ lợi ích rõ ràng, minh bạch giữa cơ sở giáo dục đại học, giảng viên và người học đối với kết quả nghiên cứu và sản phẩm thương mại hóa;

d) Chủ động bố trí, sử dụng các nguồn lực hợp pháp để bù đắp khối lượng giảng dạy và bảo đảm chất lượng đào tạo khi thực hiện các chính sách giảm giờ giảng, tạm dừng giảng dạy;

đ) Xây dựng và triển khai chương trình, chính sách phát hiện, bồi dưỡng, thu hút và trọng dụng giảng viên, người học tài năng, ưu tiên trong các lĩnh vực khoa học cơ bản, kỹ thuật then chốt, công nghệ chiến lược; phát triển chương trình đào tạo tài năng khoa học với phát triển nhóm nghiên cứu mạnh, chiến lược phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao của cơ sở giáo dục đại học và của quốc gia;

e) Có trách nhiệm tổ chức đánh giá định kỳ và hằng năm kết quả nghiên cứu của giảng viên, nghiên cứu viên được hưởng chính sách ưu đãi để bảo đảm trách nhiệm giải trình và hiệu quả sử dụng nguồn lực;

g) Trường hợp một cá nhân đồng thời thuộc nhiều nhóm đối tượng được hưởng chính sách ưu đãi thì được áp dụng mức ưu đãi cao nhất của từng nhóm theo quy định;

h) Cơ sở giáo dục đại học căn cứ điều kiện, đặc thù của đơn vị quyết định áp dụng các mức ưu đãi đối với giảng viên và người học nhưng không thấp hơn các quy định tại Điều này; chính sách nhân lực do cơ sở giáo dục đại học tự chủ quyết định.

9. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chi tiết về hoạt động khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo của sinh viên.

Điều 10. Quản lý, khai thác tài sản trí tuệ, kết quả nghiên cứu, chuyển giao công nghệ

1. Cơ sở giáo dục đại học thực hiện quản lý, khai thác quyền sở hữu trí tuệ, kết quả nghiên cứu, chuyển giao công nghệ theo quy định của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với quy định của pháp luật.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

2. Cơ sở giáo dục đại học thúc đẩy hoạt động quản lý, khai thác quyền sở hữu trí tuệ, kết quả nghiên cứu, chuyển giao công nghệ thông qua các hoạt động sau đây:

a) Ban hành và tổ chức thực hiện quy định nội bộ về quản lý, khai thác tài sản trí tuệ và kết quả nghiên cứu, công nghệ; xác định quyền sở hữu, cơ chế phân chia lợi ích giữa cơ sở giáo dục đại học, nhóm nghiên cứu, giảng viên và người học bảo đảm công khai, công bằng và minh bạch;

b) Việc thẩm định giá tài sản trí tuệ, công nghệ được thực hiện thông qua doanh nghiệp thẩm định giá theo quy định của pháp luật về giá; trường hợp thuộc thẩm quyền của Nhà nước thì thực hiện thông qua Hội đồng thẩm định giá nhà nước theo quy định của pháp luật về giá. Trường hợp pháp luật có quy định khác về thẩm định giá tài sản trí tuệ, công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học thì thực hiện theo quy định đó. Kết quả thẩm định giá là căn cứ để thực hiện chuyển nhượng, góp vốn hoặc chuyển giao công nghệ.

c) Tổ chức đánh giá tình trạng kỹ thuật, khả năng bảo hộ, tính sẵn sàng công nghệ, mức độ thương mại hóa, giá trị công nghệ; trên cơ sở đó xác định phương án và hình thức khai thác phù hợp như chuyển nhượng, góp vốn hoặc chuyển giao công nghệ;

d) Hướng dẫn tác giả thực hiện thủ tục đăng ký xác lập quyền sở hữu trí tuệ trong nước và quốc tế; sử dụng quỹ phát triển khoa học và công nghệ hoặc các nguồn hợp pháp khác để hỗ trợ chi phí đăng ký, duy trì, khai thác và thương mại hóa tài sản trí tuệ;

đ) Giám sát việc sử dụng, khai thác và chuyển giao tài sản trí tuệ, bảo đảm tuân thủ pháp luật, quy định nội bộ và thực hiện đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội của hoạt động khai thác, chuyển giao công nghệ; công khai thông tin và tình trạng khai thác trên cơ sở dữ liệu khoa học và công nghệ của cơ sở giáo dục đại học.

3. Cơ sở giáo dục đại học được sử dụng nguồn thu từ chuyển giao công nghệ, khai thác tài sản trí tuệ sau khi đã thực hiện nghĩa vụ tài chính và chia sẻ lợi ích theo quy định để tái đầu tư cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; việc sử dụng cơ sở vật chất, phòng thí nghiệm có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước phải được ghi nhận chi phí theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Hệ sinh thái đổi mới sáng tạo trong cơ sở giáo dục đại học

1. Cơ sở giáo dục đại học có trách nhiệm xây dựng và phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo nhằm thúc đẩy thương mại hóa tri thức, hình thành và phát triển doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, bảo đảm sự liên thông giữa hoạt động nghiên cứu, đào tạo và đổi mới sáng tạo trong cơ sở giáo dục đại học.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

2. Hệ sinh thái đổi mới sáng tạo bao gồm:

a) Trung tâm đổi mới sáng tạo, vườn ươm công nghệ;

b) Doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo;

c) Tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ;

d) Doanh nghiệp quản lý tài sản trí tuệ và vốn đầu tư vào doanh nghiệp khoa học và công nghệ;

đ) Quỹ phát triển khoa học và công nghệ;

e) Nhóm nghiên cứu tiềm năng, nhóm nghiên cứu mạnh trong cơ sở giáo dục đại học;

g) Không gian sáng tạo và khu làm việc chung để giảng viên và người học thực hiện nghiên cứu, thử nghiệm, ươm tạo ý tưởng, tư vấn và kết nối với doanh nghiệp và nhà đầu tư;

h) Mạng lưới cựu sinh viên, chuyên gia và doanh nghiệp đối tác.

3. Cơ sở giáo dục đại học thúc đẩy phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo thông qua các hoạt động sau đây:

a) Ban hành quy định vận hành hệ sinh thái đổi mới sáng tạo; xác lập vai trò điều phối của cơ sở giáo dục đại học; quy định cơ chế phối hợp giữa các chủ thể, cơ chế đồng sở hữu và chia sẻ lợi ích minh bạch giữa cơ sở giáo dục đại học, giảng viên, người học và nhà đầu tư, bảo đảm công khai, minh bạch và tuân thủ pháp luật;

b) Sử dụng quỹ phát triển khoa học và công nghệ cho các hoạt động nghiên cứu, ươm tạo công nghệ, phát triển sản phẩm thử nghiệm, xúc tiến thương mại, tư vấn pháp lý và đào tạo kỹ năng đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp cho giảng viên và người học theo quy định của pháp luật;

c) Phát triển đội ngũ trung gian như giảng viên kiêm cố vấn, nhà quản trị công nghệ, điều phối viên đổi mới sáng tạo và xây dựng mạng lưới cố vấn gồm cựu sinh viên, nhà khoa học, doanh nhân, nhà đầu tư; tăng cường vai trò của tổ chức trung gian thị trường khoa học và công nghệ trong tư vấn, đàm phán, môi giới công nghệ và kết nối doanh nghiệp theo quy định của pháp luật;

d) Tạo điều kiện, hỗ trợ giảng viên, người học, nhà khoa học tham gia góp vốn, tham gia quản lý, điều hành doanh nghiệp, làm việc tại doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trong hệ sinh thái của cơ sở giáo dục đại học và bố trí, sắp xếp công việc hợp lý để bảo đảm không ảnh hưởng đến nhiệm vụ giảng dạy, học tập và nghiên cứu, phù hợp với quy định của pháp luật;

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

đ) Hỗ trợ phát triển doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, vườn ươm, quỹ phát triển khoa học và công nghệ;

e) Thành lập hoặc tham gia thành lập trung tâm xúc tiến chuyển giao công nghệ; tham gia, liên kết, hợp tác hoặc sử dụng dịch vụ của trung tâm dịch vụ ươm tạo, sàn giao dịch công nghệ.

4. Cơ sở giáo dục đại học được sử dụng tài trợ của các tổ chức, cá nhân và từ quỹ phát triển khoa học và công nghệ để hỗ trợ cho hoạt động đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp, ươm tạo công nghệ, phát triển sản phẩm thử nghiệm, thương mại hóa kết quả nghiên cứu; được áp dụng cơ chế khoán chi theo thỏa thuận với nhà tài trợ và của cơ sở giáo dục đại học theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Hợp tác giữa Nhà nước - Nhà trường - Doanh nghiệp

1. Nguyên tắc hợp tác

a) Bảo đảm bình đẳng, tự nguyện, cùng có lợi; phù hợp chức năng, nhiệm vụ và thế mạnh của từng bên theo quy định của pháp luật;

b) Gắn kết nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo và hoạt động đào tạo phù hợp với nhu cầu doanh nghiệp, ngành, địa phương và định hướng phát triển kinh tế - xã hội quốc gia;

c) Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực và bảo đảm quyền lợi của các bên tham gia hợp tác, thực hiện cơ chế chia sẻ rủi ro, phân chia quyền sở hữu trí tuệ, chia sẻ lợi ích và trách nhiệm theo thỏa thuận hợp tác tuân thủ quy định của pháp luật;

d) Cập nhật thông tin vào cơ sở dữ liệu chuyên ngành về giáo dục đại học và kết nối, chia sẻ với các cơ sở dữ liệu quốc gia theo quy định của pháp luật.

2. Vai trò và trách nhiệm của Nhà nước

a) Định hướng, dẫn dắt hợp tác Nhà nước - Nhà trường - Doanh nghiệp thông qua chương trình, đề án khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cấp quốc gia; bảo đảm sự tham gia của cơ sở giáo dục đại học và doanh nghiệp;

b) Tổ chức đặt hàng, giao nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cho cơ sở giáo dục đại học và doanh nghiệp trong lĩnh vực công nghệ chiến lược và các lĩnh vực ưu tiên;

c) Huy động sự tham gia của cơ sở giáo dục đại học đồng hành cùng doanh nghiệp trong các chương trình, đề án, dự án quốc gia có nội dung nghiên cứu, ứng dụng hoặc phát triển công nghệ mới;

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

d) Nhà nước bố trí và huy động các nguồn lực, bao gồm quỹ phát triển khoa học và công nghệ các cấp hỗ trợ hợp tác giữa cơ sở giáo dục đại học và doanh nghiệp theo cơ chế đồng tài trợ, chia sẻ rủi ro, ưu tiên các nhiệm vụ có khả năng thương mại hóa cao;

đ) Ưu tiên cấp kinh phí cho cơ sở giáo dục đại học thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có hợp tác với doanh nghiệp hoặc có đặt hàng từ doanh nghiệp; cho phép thực hiện thử nghiệm có kiểm soát;

e) Thực hiện đặt hàng đối với sản phẩm, hàng hóa là kết quả của hợp tác công tư trong các nhiệm vụ khoa học, công nghệ đặc biệt theo quy định; ưu tiên sử dụng, đặt hàng và nhân rộng các kết quả nghiên cứu, công nghệ, mô hình hợp tác do cơ sở giáo dục đại học và doanh nghiệp đồng phát triển trong các chương trình, đề án khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cấp quốc gia, chương trình mục tiêu và nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, tạo thị trường cho sản phẩm đổi mới sáng tạo;

g) Sử dụng kết quả hợp tác nghiên cứu phục vụ hoạt động quản lý, hoạch định chính sách, phát triển cộng đồng và phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh;

h) Đối với các dự án đầu tư có sử dụng vốn ngân sách nhà nước có ứng dụng công nghệ mới, công nghệ chiến lược, cơ quan có thẩm quyền xem xét đặt hàng, giao nhiệm vụ cho cơ sở giáo dục đại học thực hiện nghiên cứu khoa học, tiếp nhận và chuyển giao công nghệ phục vụ trực tiếp cho dự án.

3. Vai trò và nhiệm vụ của cơ sở giáo dục đại học

a) Chủ động đề xuất, xây dựng và triển khai chương trình, dự án hợp tác nghiên cứu, đào tạo, chuyển giao công nghệ và khởi nghiệp sáng tạo với doanh nghiệp; gắn hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ với nhu cầu thực tiễn của thị trường và trong phạm vi quyền tự chủ của cơ sở giáo dục đại học;

b) Công khai năng lực nghiên cứu, cơ sở vật chất và kết quả sẵn sàng chuyển giao, mô hình hợp tác, quy định nội bộ và cơ chế chia sẻ lợi ích, rủi ro trên nền tảng số của cơ sở giáo dục đại học, kết nối dữ liệu với Sàn giao dịch khoa học và công nghệ quốc gia;

c) Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, ưu tiên hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo thông qua hạ tầng nghiên cứu, dịch vụ tư vấn, đào tạo nhân lực và thương mại hóa kết quả nghiên cứu;

d) Tạo điều kiện để giảng viên, người học tham gia nghiên cứu, thực hành, làm việc và khởi nghiệp tại doanh nghiệp;

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

đ) Phát triển mô hình tích hợp đào tạo - nghiên cứu - đổi mới sáng tạo gắn với bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ và thương mại hóa kết quả nghiên cứu trong cơ sở giáo dục đại học;

e) Tổ chức đào tạo nhân lực theo đặt hàng của doanh nghiệp, theo định hướng công nghệ mới và điều chỉnh chương trình đào tạo phù hợp với yêu cầu thực tiễn, bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật;

g) Tiếp nhận chuyên gia, nhà khoa học từ doanh nghiệp tham gia giảng dạy, hướng dẫn thực tập và nghiên cứu nếu đáp ứng các quy định của pháp luật;

h) Thực hiện việc quy đổi giờ giảng, giờ nghiên cứu, thời gian làm việc, thành tích của giảng viên tham gia hoạt động nghiên cứu, chuyển giao, tư vấn, khởi nghiệp tại doanh nghiệp;

i) Được hưởng lợi ích từ kết quả hợp tác, bao gồm lợi nhuận, quyền sở hữu trí tuệ và các quyền lợi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

4. Vai trò và nhiệm vụ của doanh nghiệp

a) Chủ động đặt hàng, đồng tài trợ, đồng đầu tư, xây dựng cơ sở vật chất, phòng thí nghiệm tại cơ sở giáo dục đại học và sử dụng kết quả nghiên cứu, chuyển giao công nghệ từ cơ sở giáo dục đại học;

b) Tham gia vào quá trình đào tạo, nghiên cứu, đổi mới sáng tạo của cơ sở giáo dục đại học thông qua việc cử chuyên gia, nhà khoa học tham gia xây dựng chương trình đào tạo, giảng dạy, hướng dẫn và hợp tác nghiên cứu;

c) Tiếp nhận giảng viên, người học, nhà khoa học thực tập, nghiên cứu, làm việc trong môi trường sản xuất, kinh doanh;

d) Khuyến khích sử dụng đến 30% kinh phí từ quỹ phát triển khoa học và công nghệ để chi cho các hoạt động hợp tác với cơ sở giáo dục đại học;

đ) Được khai thác, ứng dụng kết quả hợp tác nghiên cứu để phát triển sản phẩm, dịch vụ, mở rộng thị trường, chuyển giao công nghệ và được chia sẻ lợi ích theo thỏa thuận hợp tác, phù hợp quy định pháp luật;

e) Đối với các dự án ứng dụng công nghệ mới, công nghệ chiến lược, bố trí một phần kinh phí phù hợp trong tổng mức đầu tư để đặt hàng, giao nhiệm vụ cho các cơ sở giáo dục đại học thực hiện nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ phục vụ trực tiếp dự án.

5. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp được chi cho hoạt động hợp tác với cơ sở giáo dục đại học với các nội dung sau đây:

a) Chi trả tiền công, thù lao, thuê chuyên gia, giảng viên, nhà khoa học tham gia hoạt động hợp tác; chi đào tạo, bồi dưỡng, thực tập, phát triển nhân

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp tại cơ sở giáo dục đại học;

b) Chi cho hợp tác nghiên cứu, mua công nghệ, sản phẩm, quy trình hoặc đầu tư, nâng cấp hạ tầng, phòng thí nghiệm, thiết bị phục vụ nghiên cứu và đổi mới sáng tạo tại cơ sở giáo dục đại học;

c) Chi khảo sát, đánh giá, xây dựng cơ sở dữ liệu dùng chung;

d) Tài trợ, góp vốn hoặc đồng tài trợ với quỹ phát triển khoa học và công nghệ của cơ sở giáo dục đại học để hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo và các dự án đổi mới sáng tạo;

đ) Chi quản lý, kiểm toán, giám sát, đánh giá hiệu quả và tác động của các hoạt động hợp tác với cơ sở giáo dục đại học;

e) Các khoản chi khác theo thỏa thuận của cơ sở giáo dục đại học và doanh nghiệp.

6. Kết quả hợp tác giữa cơ sở giáo dục đại học và doanh nghiệp là căn cứ đánh giá, xếp hạng, khen thưởng và ưu tiên trong xét chọn nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Điều 13. Hợp tác quốc tế về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Cơ sở giáo dục đại học được chủ động thực hiện hợp tác quốc tế trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định của pháp luật và điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, trên cơ sở bảo đảm quyền tự chủ gắn với trách nhiệm giải trình và không phương hại đến lợi ích quốc gia, dân tộc.

2. Triển khai hoạt động hợp tác quốc tế của cơ sở giáo dục đại học

a) Hợp tác với tổ chức, cá nhân nước ngoài trong nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo; thành lập hoặc tham gia phòng thí nghiệm, trung tâm nghiên cứu, trung tâm đổi mới sáng tạo chung theo quy định của pháp luật;

b) Tự chủ và tự chịu trách nhiệm về việc tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế và thông báo cho cơ quan quản lý trực tiếp trước khi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế đối với các lĩnh vực toán và thống kê, máy tính và công nghệ thông tin, công nghệ kỹ thuật, kỹ thuật, khoa học tự nhiên, khoa học sự sống, khoa học môi trường, môi trường và bảo vệ môi trường, kinh tế học, kinh doanh và quản lý, sản xuất và chế biến, kiến trúc và xây dựng, nông lâm nghiệp và thủy sản, thú y, sức khỏe, khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên, dịch vụ vận tải và các hội nghị, hội thảo quốc tế thuộc chủ đề phục vụ giải quyết các nhiệm vụ cấp bách theo yêu cầu, chỉ đạo, đặt hàng của Đảng, Quốc hội, Chính phủ, các bộ, ngành.

Trường hợp hội nghị, hội thảo quốc tế có thành viên tham dự là Bộ trưởng hoặc tương đương trở lên của các nước, các vùng lãnh thổ, các tổ chức quốc tế; hội nghị, hội thảo quốc tế có chủ đề, nội dung liên quan đến các vấn đề về biên giới, lãnh thổ, chủ quyền quốc gia, quốc phòng, an ninh, dân tộc, tôn giáo,

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

quyền con người hoặc thuộc phạm vi bí mật nhà nước thực hiện theo quy định của Thủ tướng Chính phủ và pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước;

c) Tự chủ và tự chịu trách nhiệm tiếp nhận, sử dụng các nguồn tài trợ, viện trợ, đặt hàng nghiên cứu phục vụ hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo từ phía nước ngoài bảo đảm không phương hại đến an ninh, an toàn và lợi ích quốc gia; thực hiện báo cáo, công khai theo quy định của pháp luật;

d) Khuyến khích cơ sở giáo dục đại học huy động và hỗ trợ kinh phí cho giảng viên, người học, thành viên nhóm nghiên cứu mạnh tham gia hoạt động trao đổi học thuật, nghiên cứu, đào tạo, thực tập và khởi nghiệp sáng tạo ở nước ngoài và thu hút chuyên gia, nhà khoa học nước ngoài tham gia hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tại cơ sở giáo dục đại học;

đ) Tham gia các tổ chức, hiệp hội khu vực và quốc tế trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; được đề xuất thành lập, tham gia hoặc liên kết với tổ chức khoa học và công nghệ ngoài nước theo quy định của pháp luật.

3. Chính sách của Nhà nước

a) Khuyến khích, hỗ trợ cơ sở giáo dục đại học mở rộng hợp tác quốc tế thông qua các chương trình, quỹ hợp tác song phương, đa phương, dự án nghiên cứu chung, trung tâm đổi mới sáng tạo quốc tế và chương trình trao đổi học giả;

b) Tạo điều kiện để cơ sở giáo dục đại học kết nối mạng lưới chuyên gia, nhà khoa học, doanh nghiệp Việt Nam ở nước ngoài tham gia hoạt động nghiên cứu, đào tạo, chuyển giao công nghệ trong nước thông qua mạng lưới đại diện khoa học và công nghệ của Việt Nam ở nước ngoài;

c) Khuyến khích hình thành và triển khai hợp tác giữa cơ sở giáo dục đại học Việt Nam, cơ sở giáo dục đại học nước ngoài và doanh nghiệp quốc tế nhằm thúc đẩy chuyển giao tri thức, công nghệ và thương mại hóa kết quả nghiên cứu, phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo trong cơ sở giáo dục đại học.

Điều 14. Hoạt động thông tin khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Các loại hình hoạt động thông tin khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong cơ sở giáo dục đại học bao gồm:

a) Thu thập, cập nhật, quản lý và khai thác nguồn dữ liệu, tư liệu khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và quản lý của cơ sở giáo dục đại học;

b) Tổng hợp, phân tích và cung cấp thông tin phục vụ xây dựng kế hoạch phát triển đào tạo, nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế và quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong cơ sở giáo dục đại học;

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

c) Xây dựng, quản lý và khai thác thư viện, thư viện số, cơ sở dữ liệu và các nền tảng thông tin phục vụ giảng dạy, học tập, nghiên cứu; kết nối, chia sẻ thông tin với các hệ thống thông tin khoa học và công nghệ có liên quan;

d) Công bố, phổ biến và hỗ trợ tra cứu kết quả nghiên cứu khoa học, tri thức học thuật thông qua tạp chí khoa học, hội thảo khoa học, kho học liệu số và các hình thức phù hợp khác;

đ) Hỗ trợ cung cấp thông tin về sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và kết nối hoạt động nghiên cứu với doanh nghiệp, tổ chức có liên quan;

e) Các hoạt động thông tin khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo khác theo quy định của pháp luật.

2. Cơ sở giáo dục đại học ban hành quy định và triển khai hoạt động thông tin khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; thực hiện thu thập, lưu giữ, kiểm duyệt, khai thác và công bố thông tin phục vụ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo thông qua cơ sở dữ liệu, tạp chí khoa học, hội thảo, sàn giao dịch tri thức và các nền tảng số; kết nối, chia sẻ thông tin với Hệ thống thông tin quốc gia về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định tại Nghị định số 262/2025/NĐ-CP.

3. Kết quả nghiên cứu khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được lưu giữ, công bố công khai, bảo đảm chất lượng, tính chính xác, minh bạch, và tuân thủ chuẩn mực học thuật, đạo đức nghiên cứu theo quy định của pháp luật.

4. Tạp chí khoa học của cơ sở giáo dục đại học hoạt động theo nguyên tắc độc lập học thuật, liêm chính, khách quan; có hội đồng biên tập, quy trình phản biện độc lập; được đăng ký, quản lý, xếp hạng đánh giá và xếp loại theo quy định của pháp luật.

5. Cơ sở giáo dục đại học xây dựng quy định về chia sẻ thông tin, lưu trữ và xuất bản tạp chí khoa học; được ưu tiên sử dụng nguồn hỗ trợ từ quỹ phát triển khoa học và công nghệ để nâng cao năng lực xuất bản, phổ biến tri thức và hội nhập quốc tế trong hoạt động học thuật.

6. Nhà nước khuyến khích và hỗ trợ về tài chính, kỹ thuật, đào tạo nhân lực để cơ sở giáo dục đại học phát triển hoạt động thông tin khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, nâng cấp tạp chí khoa học đạt chuẩn quốc tế, hợp tác học thuật trong nước và quốc tế, phục vụ phát triển hệ sinh thái khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia.

Điều 15. Liêm chính khoa học, đạo đức nghề nghiệp trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong cơ sở giáo dục đại học

1. Giảng viên, nghiên cứu viên, người học có trách nhiệm tuân thủ các quy định pháp luật về liêm chính khoa học và đạo đức nghề nghiệp tại Luật Khoa

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 2025, Nghị định số 262/2025/NĐ-CP và quy định do cơ sở giáo dục đại học ban hành.

2. Cơ sở giáo dục đại học ban hành quy định nội bộ và tổ chức thực hiện các biện pháp bảo đảm liêm chính khoa học và đạo đức nghiên cứu; lồng ghép nội dung liêm chính khoa học trong đào tạo, bồi dưỡng; tư vấn, hỗ trợ người học, giảng viên và nhà khoa học; cập nhật thông tin vi phạm và xử lý vi phạm theo quy định tại Nghị định số 262/2025/NĐ-CP.

3. Cơ quan quản lý nhà nước về khoa học công nghệ theo thẩm quyền tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực về liêm chính khoa học, đạo đức nghề nghiệp cho giảng viên, người học, nhà khoa học và cán bộ quản lý; hỗ trợ trao đổi chuyên gia với các tổ chức quốc tế về liêm chính khoa học.

Điều 16. Dữ liệu khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo xây dựng và vận hành nền tảng số dùng chung để quản lý dữ liệu về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của các cơ sở giáo dục đại học, bảo đảm kết nối, chia sẻ và liên thông với Nền tảng số quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia do Bộ Khoa học và Công nghệ quản lý.

2. Cơ sở giáo dục đại học có trách nhiệm cập nhật dữ liệu khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo vào cơ sở dữ liệu chuyên ngành về giáo dục đại học và kết nối, chia sẻ với Nền tảng số quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia, ngoại trừ các thông tin thuộc phạm vi bí mật nhà nước, quốc phòng và an ninh, bảo đảm tính chính xác, đầy đủ, kịp thời theo quy định của pháp luật.

3. Việc thu thập, công khai và khai thác dữ liệu khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phải bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, an ninh thông tin và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 17. Giám sát và đánh giá kết quả, hiệu quả hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Cơ sở giáo dục đại học thực hiện tự giám sát, đánh giá kết quả và hiệu quả hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo định kỳ hằng năm hoặc đột xuất. Việc đánh giá phải dựa trên dữ liệu, bằng chứng, tiêu chí định lượng và định tính theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ, bảo đảm phù hợp với đặc thù đào tạo, nghiên cứu và đổi mới sáng tạo của đơn vị. Quá trình này phải bảo đảm liêm chính học thuật và trách nhiệm giải trình. Kết quả tự đánh giá nội bộ là cơ sở để cơ quan quản lý cấp trên thực hiện kiểm tra, giám sát và phân loại tổ chức theo quy định của pháp luật.

2. Cơ quan quản lý cấp trên của cơ sở giáo dục đại học thực hiện việc kiểm tra, giám sát theo thẩm quyền:

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

a) Việc thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước;

b) Việc thực hiện tự giám sát, đánh giá kết quả, hiệu quả hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của cơ sở giáo dục đại học;

c) Việc cập nhật, kết nối và tính chính xác của dữ liệu trên các hệ thống thông tin chuyên ngành.

3. Kết quả kiểm tra, giám sát và đánh giá phải được công khai trên Cổng thông tin điện tử của cơ sở giáo dục đại học và của cơ quan quản lý cấp trên, đồng thời phải được cập nhật, kết nối và đồng bộ với Nền tảng số quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia theo quy định về hoạt động thông tin khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và quy định pháp luật có liên quan.

4. Kết quả giám sát, đánh giá quy định tại Điều này là một trong những căn cứ quan trọng để cơ quan có thẩm quyền:

a) Xem xét, thực hiện phân bổ, điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

b) Giao trực tiếp hoặc ưu tiên lựa chọn thực hiện các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

c) Xét các danh hiệu thi đua, khen thưởng và áp dụng các chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ đối với cơ sở giáo dục đại học.

Chương IV
TÀI CHÍNH, QUỸ VÀ ĐẦU TƯ CHO HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

Điều 18. Đầu tư cơ sở vật chất cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Nhà nước đầu tư phát triển hạ tầng, cơ sở vật chất - kỹ thuật phục vụ hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong cơ sở giáo dục đại học theo quy định của pháp luật. Cơ sở giáo dục đại học được ưu tiên đầu tư có trọng tâm, trọng điểm khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Có ngành, lĩnh vực đào tạo, nghiên cứu được Nhà nước ưu tiên; có nhóm nghiên cứu mạnh, phòng thí nghiệm trọng điểm;

b) Là cơ sở giáo dục đại học được ưu tiên đầu tư phát triển theo định hướng trong quy hoạch mạng lưới;

c) Có hợp tác hiệu quả với doanh nghiệp, địa phương, tổ chức khoa học và công nghệ, tổ chức quốc tế;

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

d) Có khả năng huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực xã hội hóa, hợp tác công tư và các nguồn vốn hợp pháp khác;

đ) Có năng lực quản lý, vận hành và khai thác sử dụng hiệu quả phòng thí nghiệm, hạ tầng nghiên cứu và đổi mới sáng tạo.

2. Việc bố trí, sử dụng ngân sách nhà nước theo các ưu tiên tại khoản 1 Điều này phải tuân thủ quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, đầu tư công và khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, bảo đảm hiệu quả, công khai, minh bạch.

3. Nhiệm vụ của cơ sở giáo dục đại học

a) Xây dựng kế hoạch đầu tư phát triển hạ tầng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, gắn với chiến lược phát triển của cơ sở, trong đó ưu tiên đầu tư phòng thí nghiệm, trung tâm nghiên cứu, nhóm nghiên cứu mạnh và hạ tầng phục vụ nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng và đào tạo nhân lực trình độ cao;

b) Chủ động huy động các nguồn vốn hợp pháp như vốn đối ứng, hợp tác công tư, tài trợ, viện trợ và nguồn thu từ hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo để đầu tư phát triển phòng thí nghiệm, vườn ươm công nghệ, không gian đổi mới sáng tạo, cơ sở dữ liệu và hạ tầng số phục vụ nghiên cứu và đào tạo;

c) Tham gia các chương trình đầu tư đồng tài trợ của Nhà nước hoặc tổ chức trong và ngoài nước nhằm phát triển phòng thí nghiệm hiện đại, nhóm nghiên cứu mạnh, trung tâm nghiên cứu liên ngành và hạ tầng đổi mới sáng tạo;

d) Xây dựng và thực hiện quy định quản lý, khai thác, duy trì, bảo dưỡng và sử dụng phòng thí nghiệm, trang thiết bị nghiên cứu theo hướng đẩy mạnh xã hội hóa, trong đó cho phép thu phí dịch vụ bảo đảm lấy thu bù chi và tái đầu tư hiệu quả; khuyến khích công nhận chuẩn quốc tế, tăng cường chia sẻ, sử dụng chung và hợp tác với doanh nghiệp, viện nghiên cứu, tổ chức trong và ngoài nước.

4. Kế hoạch đầu tư phát triển hạ tầng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của cơ sở giáo dục đại học được xây dựng phù hợp với kế hoạch tổng thể 5 năm về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Nhà nước và nhu cầu đào tạo, nghiên cứu của cơ sở giáo dục đại học.

Điều 19. Ngân sách nhà nước cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Ngân sách nhà nước dành cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tại cơ sở giáo dục đại học công lập được bảo đảm theo kế hoạch chi ngân sách sự nghiệp hằng năm, kế hoạch tài chính 05 năm gắn với kế hoạch đầu tư công trung hạn và kế hoạch tổng thể về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định của pháp luật, định hướng ưu tiên của Nhà nước về đột phá giáo dục và đào tạo.

2. Cơ sở giáo dục đại học, bao gồm cả cơ sở giáo dục đại học ngoài công lập, được tham gia các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

hình thức đặt hàng của Nhà nước, nhiệm vụ đặc biệt hoặc chương trình quốc gia đặc biệt và nhiệm vụ tự xây dựng từ nguồn tự chủ, nguồn hợp pháp hoặc nguồn hỗ trợ khác của cơ sở giáo dục đại học. Việc tuyển chọn, giao trực tiếp, hoặc xét tài trợ có thể định kỳ, đột xuất hoặc theo chương trình đã được phê duyệt, bảo đảm công khai, minh bạch và phù hợp với Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 2025 cùng các văn bản hướng dẫn liên quan.

3. Ngân sách nhà nước được quản lý và sử dụng theo quy định pháp luật, trong đó ưu tiên:

a) Cơ sở giáo dục đại học có nhóm nghiên cứu mạnh, có kết quả nghiên cứu xuất sắc, có năng lực thương mại hóa kết quả nghiên cứu và liên kết hiệu quả với doanh nghiệp;

b) Xét duyệt và bố trí kinh phí cho các đề xuất nhiệm vụ, chuỗi nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của cơ sở giáo dục đại học có phối hợp với doanh nghiệp; hoặc giải quyết các vấn đề của trung ương, địa phương và doanh nghiệp;

c) Đặt hàng, giao nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đối với cơ sở giáo dục đại học trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách từ nguồn ngân sách khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của địa phương để phục vụ trực tiếp mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

4. Nguồn tài chính cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo bao gồm:

a) Ngân sách nhà nước từ các nguồn sự nghiệp khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và nguồn đầu tư phát triển;

b) Nguồn thu hợp pháp ngoài ngân sách, bao gồm: dịch vụ khoa học và công nghệ, hợp tác công tư, tài trợ, viện trợ, hiến tặng, vốn đầu tư cho đổi mới sáng tạo, và các khoản đóng góp cho quỹ phát triển khoa học và công nghệ của cơ sở giáo dục đại học.

5. Ngân sách nhà nước chi cho các hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của cơ sở giáo dục đại học được thực hiện theo quy định của pháp luật và các nội dung sau đây:

a) Phát triển đội ngũ nhân lực khoa học và công nghệ, bao gồm giáo sư, phó giáo sư, nhóm nghiên cứu tiềm năng và nhóm nghiên cứu mạnh, nhà khoa học trẻ, nghiên cứu sinh, kỹ sư trẻ;

b) Phí xuất bản các tạp chí khoa học duy trì trong cơ sở dữ liệu Web of Science (WoS) và Scopus trên các nhà xuất bản thế giới uy tín;

c) Khen thưởng giảng viên và người học có thành tích xuất sắc trong nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, đạt giải thưởng khoa học và công

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

nghệ trong nước, quốc tế hoặc có đóng góp nổi bật được ghi nhận trong các bảng xếp hạng khoa học uy tín;

Việc khen thưởng được thực hiện theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng, pháp luật có liên quan và phù hợp với khả năng cân đối ngân sách nhà nước.

Ngoài nguồn ngân sách nhà nước, cơ sở giáo dục đại học được sử dụng nguồn thu hợp pháp để chi hỗ trợ, khuyến khích với mức cao hơn, phù hợp với quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

6. Cơ sở giáo dục đại học quy định và công khai tỷ lệ kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được cơ sở giáo dục đại học giữ lại để phục vụ công tác quản lý, đầu tư và phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của cơ sở giáo dục đại học.

7. Cơ sở giáo dục đại học được giữ lại phần lợi nhuận từ thương mại hóa, chuyển nhượng hoặc được phân chia tương ứng với tỷ lệ góp vốn bằng kết quả nghiên cứu khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo hình thành từ ngân sách nhà nước để tái đầu tư, chi trả thù lao và khen thưởng cho các cá nhân, tập thể liên quan theo quy định của cơ sở giáo dục đại học và quy định của pháp luật.

Điều 20. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ, huy động nguồn lực cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Cơ sở giáo dục đại học được thành lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ theo quy định tại Điều 66 Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2025; chịu trách nhiệm toàn diện về hiệu quả hoạt động của Quỹ.

2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ hoạt động theo các nguyên tắc sau đây:

a) Chịu trách nhiệm về tài chính, sử dụng đúng mục đích, hiệu quả, gắn với chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của cơ sở giáo dục đại học;

b) Được áp dụng cơ chế chấp nhận rủi ro trong đầu tư, hỗ trợ hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định quản lý quỹ của cơ sở giáo dục đại học và quy định của pháp luật có liên quan;

c) Được quản lý, hạch toán riêng trong hệ thống kế toán của cơ sở giáo dục đại học, kiểm soát nội bộ, công khai, minh bạch, chịu sự kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán theo quy định của pháp luật.

3. Nguồn hình thành Quỹ phát triển khoa học và công nghệ gồm:

a) Cơ sở giáo dục đại học được trích tối đa 20% thu nhập tính thuế hàng năm để lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của đơn vị;

b) Phần chênh lệch thu lớn hơn chi, lợi nhuận từ hoạt động nghiên cứu, đào tạo, chuyển giao công nghệ, thương mại hóa kết quả nghiên cứu;

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

c) Tài trợ, viện trợ, hiến tặng, đóng góp của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

4. Nội dung chi của Quỹ phát triển khoa học và công nghệ gồm:

Ngoài các nội dung được chi theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 265/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định về chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về tài chính và đầu tư trong khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, Quỹ phát triển khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học được chi một số nội dung đặc thù sau đây:

a) Thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo các cấp không sử dụng ngân sách nhà nước; đối ứng cho các nhiệm vụ sử dụng ngân sách nhà nước; tạm ứng kinh phí cho nhiệm vụ đã được phê duyệt nhưng chưa được cấp kinh phí;

b) Hỗ trợ hoạt động của nhóm nghiên cứu tiềm năng và nhóm nghiên cứu mạnh, giảng viên và nghiên cứu viên;

c) Hỗ trợ hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của người học;

d) Mua sắm, duy tu, sửa chữa trang thiết bị nghiên cứu, phát triển cơ sở vật chất phục vụ nghiên cứu; tổng chi cho nội dung này không vượt quá 30% tổng kinh phí hằng năm của Quỹ;

đ) Đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, kỹ năng nghiên cứu; hỗ trợ hội nghị, hội thảo, công bố quốc tế, đăng ký, bảo hộ và duy trì quyền sở hữu trí tuệ, tư vấn pháp lý, xác định giá trị, thẩm định công nghệ, phục vụ thương mại hóa;

e) Đầu tư vào dự án khởi nghiệp sáng tạo của người học, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo;

g) Khen thưởng giảng viên và người học có công bố quốc tế, kết quả nghiên cứu tạo ra tài sản trí tuệ được xác lập và/hoặc khai thác hiệu quả, công trình khoa học có giá trị, giải thưởng khoa học uy tín;

h) Phát triển sản phẩm mẫu, thử nghiệm, hoàn thiện công nghệ; hỗ trợ xây dựng, vận hành cơ sở dữ liệu khoa học, nền tảng số phục vụ nghiên cứu và đổi mới sáng tạo;

i) Chi phí vận hành, kiểm toán, kế toán, công bố thông tin, đánh giá hiệu quả sử dụng Quỹ;

k) Chi cho các nội dung khác cho phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định của cơ sở giáo dục đại học và quy định của pháp luật liên quan.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

5. Cơ sở giáo dục đại học trích từ nguồn thu học phí, với tỷ lệ tối thiểu 8% đối với đại học và 5% đối với cơ sở giáo dục đại học khác, để phục vụ hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Nội dung chi được áp dụng theo khoản 4 Điều này.

6. Huy động vốn ngoài ngân sách nhà nước

a) Cơ sở giáo dục đại học được chủ động huy động nguồn ngoài ngân sách để bổ sung quỹ;

b) Nhà tài trợ được hưởng ưu đãi thuế và ưu đãi khác theo quy định của pháp luật;

c) Nguồn kinh phí huy động ngoài ngân sách nhà nước được quản lý, sử dụng và thanh quyết toán theo thỏa thuận với nhà tài trợ và phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan;

d) Khuyến khích thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo không sử dụng ngân sách nhà nước; việc tổ chức thực hiện theo quy định nội bộ của cơ sở giáo dục đại học và quy định của pháp luật.

Chương V
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 21. Trách nhiệm của các bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ, cơ sở giáo dục đại học

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo

a) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành và cơ quan liên quan tổ chức thực hiện Nghị định; hướng dẫn, theo dõi tình hình thực hiện theo thẩm quyền;

b) Chủ trì phát triển và thúc đẩy hệ sinh thái đổi mới sáng tạo trong hệ thống giáo dục đại học;

c) Chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài chính, các bộ, ngành, địa phương và các tổ chức liên quan phát triển nhóm nghiên cứu mạnh trong cơ sở giáo dục đại học và hợp tác Nhà nước - Nhà trường - Doanh nghiệp;

d) Tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền về tiềm lực và kết quả hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của cơ sở giáo dục đại học.

2. Bộ Khoa học và Công nghệ

a) Chủ trì tổng hợp nhu cầu, trên cơ sở đề xuất của các bộ, ngành, địa phương, xây dựng và đề xuất với Bộ Tài chính phương án phân bổ ngân sách khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

b) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương có liên quan thực hiện các nội dung quy định tại các điểm a, b và c khoản 2 Điều 12 Nghị định này;

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

c) Phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo phát triển và thúc đẩy hệ sinh thái đổi mới sáng tạo trong hệ thống giáo dục đại học;

d) Phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo, các bộ, ngành, địa phương liên quan trong việc thúc đẩy phát triển nhóm nghiên cứu mạnh trong cơ sở giáo dục đại học;

đ) Phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo trong việc hướng dẫn kết nối, chia sẻ dữ liệu khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của các cơ sở giáo dục đại học với Hệ thống thông tin quốc gia về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

3. Bộ Tài chính

Chủ trì tổng hợp và trình cấp có thẩm quyền bố trí ngân sách nhà nước cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định của pháp luật hiện hành trên cơ sở đề xuất của Bộ Khoa học và Công nghệ.

4. Các bộ, ngành và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

a) Hướng dẫn, theo dõi, giám sát, đánh giá hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong các cơ sở giáo dục đại học trực thuộc, bảo đảm phù hợp với định hướng phát triển ngành, lĩnh vực quản lý và địa phương;

b) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan thực hiện các nội dung quy định tại các điểm d, đ, e, g và h khoản 2 Điều 12 Nghị định này theo thẩm quyền quản lý;

c) Khen thưởng các giảng viên cơ hữu và người học theo quy định tại điểm c khoản 5 Điều 19 Nghị định này theo quy định của pháp luật về Thi đua khen thưởng;

d) Chủ trì thực hiện việc kiểm tra, giám sát việc sử dụng kết quả nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước theo thẩm quyền.

5. Doanh nghiệp và tổ chức khoa học và công nghệ thực hiện trách nhiệm theo quy định tại Nghị định này trong hợp tác với cơ sở giáo dục đại học; định kỳ báo cáo kết quả thực hiện với cơ quan có thẩm quyền.

6. Cơ sở giáo dục đại học

a) Xây dựng chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo gắn với chiến lược phát triển tổng thể của cơ sở giáo dục đại học;

b) Có trách nhiệm lập dự toán kinh phí, xây dựng đề xuất nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thuộc phạm vi quản lý và gửi về cơ quan

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

quản lý cấp trên để tổng hợp, bảo đảm tuân thủ các mốc thời gian theo hướng dẫn hằng năm về nội dung, tiêu chí nhiệm vụ về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Bộ Khoa học và Công nghệ và hướng dẫn về ngân sách nhà nước của Bộ Tài chính;

c) Thực hiện đầy đủ quyền và trách nhiệm theo quy định tại Nghị định này, báo cáo cơ quan quản lý trực tiếp và Bộ Giáo dục và Đào tạo trước 30 tháng 11 hằng năm hoặc báo cáo đột xuất theo yêu cầu.

d) Định kỳ hằng quý, cập nhật dữ liệu khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo vào cơ sở dữ liệu chuyên ngành về giáo dục đại học do Bộ Giáo dục và Đào tạo quản lý.

Điều 22. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

2. Nghị định số 109/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ quy định hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong cơ sở giáo dục đại học (Nghị định số 109/2022/NĐ-CP) hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Nghị định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó, trừ trường hợp Nghị định này có quy định khác.

Điều 23. Điều khoản chuyển tiếp

1. Nhóm nghiên cứu mạnh, tổ chức khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khoa học và công nghệ, quỹ phát triển khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học đã được thành lập, công nhận hoặc cho phép hoạt động theo quy định tại Nghị định số 109/2022/NĐ-CP tiếp tục được công nhận và duy trì hoạt động theo các quyết định đã ban hành.

2. Trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, cơ sở giáo dục đại học có trách nhiệm rà soát, điều chỉnh, kiện toàn tổ chức và hoạt động của các mô hình quy định tại khoản 1 Điều này, bảo đảm phù hợp với quy định tại Nghị định này và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 24. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện, hướng dẫn thi hành Nghị định này.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Nguyễn Chí Dũng

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn